TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/6/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Bê.

Bà Mai Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 74 tổ 3, khu N, xã L, huyện P, Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 1299 tổ 2, khu phố A, phường B, thành phố H, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Đ**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 74 tổ 3, khu N, xã L, huyện P, Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh Đ kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai người tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã về các vấn đề trong cuộc sống. Nay chị thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là cháu H, sinh ngày 09/5/2014 và cháu S, sinh ngày 27/10/2017. Nếu ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Trước đây, khi nộp đơn ly hôn, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con là 6.000.000đ/tháng, nay chị thấy kinh tế của mình ổn định, thu nhập đủ nuôi dưỡng hai con nên chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đ trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý vì giữa anh với chị H không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là cháu H, sinh ngày 09/5/2014 và cháu S, sinh ngày 27/10/2017. Nếu ly hôn anh xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và giao cháu S cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ, giao cháu H cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu S cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 21/10/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh Đ phát sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề trong cuộc sống và không thể hàn gắn, hiện nay chị H, anh Đ đã sống ly thân, cả hai

đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị H và anh Đ được ly hôn là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là cháu H, sinh ngày 09/5/2014 và cháu S, sinh ngày 27/10/2017. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị H đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu H. Tại phiên tòa, chị H đồng ý giao cháu H cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu S, sinh ngày 27/10/2017, do con dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó giao cháu H, sinh ngày 09/5/2014 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu S, sinh ngày 27/10/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị H và anh Đ vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ, chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị H được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 09/5/2014 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu S, sinh ngày 27/10/2017 cho chị H chăm sóc,

nuôi dưỡng giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị H và anh Đ vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ, chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 002018 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị H phải nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Sỹ Tuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H.Long Thành (1);
- Chi cục THA.DS H.Long Thành (1);
- UBND xã L (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, BP, TP(4).